

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 117/2006/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 09 tháng 10 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 6 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

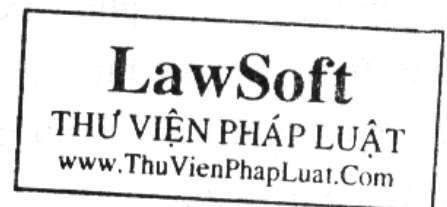
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vị trí và chức năng

Thanh tra Công nghiệp là tổ chức thanh tra nhà nước, thực hiện chức năng thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước về công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Đối tượng Thanh tra Công nghiệp

1. Tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của cơ quan quản lý nhà nước về công nghiệp.
2. Tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam có tham gia hoạt động trong phạm vi quản lý nhà nước về công nghiệp theo quy định



của pháp luật. Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với Nghị định này thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế đó.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động

1. Hoạt động Thanh tra Công nghiệp phải tuân theo pháp luật, bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ và kịp thời; không làm cản trở đến hoạt động bình thường của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra.

2. Khi tiến hành thanh tra, người ra quyết định thanh tra, Thủ trưởng cơ quan thanh tra, Trưởng Đoàn thanh tra, Thanh tra viên, Thành viên Đoàn thanh tra phải tuân theo đúng quy định của pháp luật về thanh tra và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi, quyết định của mình.

Điều 4. Mối quan hệ công tác

1. Thanh tra Bộ Công nghiệp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (sau đây gọi tắt là Bộ trưởng), đồng thời chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về công tác, tổ chức, nghiệp vụ của Thanh tra Chính phủ.

2. Thanh tra Sở Công nghiệp chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc Sở Công nghiệp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Giám đốc Sở), đồng thời chịu sự hướng dẫn về công tác, nghiệp vụ thanh tra hành chính của Thanh tra tỉnh, chịu sự hướng dẫn nghiệp vụ thanh tra chuyên ngành của Thanh tra Bộ Công nghiệp.

3. Thanh tra Công nghiệp có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan thanh tra nhà nước có liên quan khác để tránh chồng chéo và nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

Điều 5. Thẩm quyền và trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước trong hoạt động Thanh tra Công nghiệp

1. Bộ trưởng có thẩm quyền phê duyệt Chương trình công tác thanh tra hàng năm và có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức của Thanh tra Bộ Công nghiệp; bảo đảm các điều kiện về kinh phí, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện cần thiết khác để phục vụ hoạt động của Thanh tra Bộ Công nghiệp; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Bộ Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc Sở Công nghiệp kiện toàn tổ chức, bảo đảm kinh phí, biên chế, trang bị kỹ thuật, trang phục và các điều kiện cần thiết khác cho hoạt động của Thanh tra Sở Công nghiệp.

3. Giám đốc Sở có thẩm quyền phê duyệt Chương trình công tác thanh tra hàng năm và có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo hoạt động, kiện toàn tổ chức của Thanh tra Sở Công nghiệp; xử lý kịp thời các kết luận, kiến nghị của Thanh tra Sở Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra và tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức, cá nhân là đối tượng thanh tra có trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ thực hiện các quy định tại Điều 8, Điều 53 và Điều 54 của Luật Thanh tra.

2. Tổ chức, cá nhân có các thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra phải cung cấp đầy đủ, kịp thời theo yêu cầu của cơ quan thanh tra và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của những thông tin, tài liệu cung cấp.

Chương II

TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA THANH TRA CÔNG NGHIỆP

Điều 7. Tổ chức Thanh tra Công nghiệp

1. Thanh tra Công nghiệp bao gồm:

- a) Thanh tra Bộ Công nghiệp (sau đây gọi tắt là Thanh tra Bộ);
- b) Thanh tra Sở Công nghiệp (sau đây gọi tắt là Thanh tra Sở).

2. Các tổ chức thanh tra quy định tại khoản 1 Điều này có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 8. Thanh tra Bộ

1. Thanh tra Bộ là cơ quan của Bộ Công nghiệp, có trách nhiệm giúp Bộ trưởng quản lý nhà nước về công tác thanh tra, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

2. Thanh tra Bộ có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Thanh tra Bộ được tổ chức các phòng; Bộ trưởng quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Thanh tra Bộ.

Điều 9. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Bộ

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, cá nhân thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp.

2. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về công nghiệp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Hướng dẫn nghiệp vụ về Thanh tra Công nghiệp đối với Thanh tra Sở; hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Bộ thực hiện quy định của pháp luật về công tác thanh tra, công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo.

7. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật được phát hiện qua hoạt động thanh tra.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của Thanh tra Bộ.

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

11. Tổng kết, rút kinh nghiệm, xây dựng nghiệp vụ thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Bộ

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp.
2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Bộ trưởng quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.
3. Trình Bộ trưởng quyết định thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật.
4. Kiến nghị Bộ trưởng tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Bộ Công nghiệp.
5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.
6. Kiến nghị Bộ trưởng xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng; phối hợp với người đứng đầu các cơ quan, tổ chức trong việc xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của cơ quan, tổ chức đó.
7. Kiến nghị Bộ trưởng giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Tổng Thanh tra.
8. Kiến nghị Bộ trưởng xử lý việc chồng chéo, trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ; tham mưu, giúp Bộ trưởng phối hợp với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giải quyết trùng lặp về chương trình, kế hoạch, nội dung thanh tra, kiểm tra trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ Công nghiệp.
10. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ thực hiện các quy định của pháp luật về Thanh tra; phối hợp với Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc Bộ chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức hoạt động thanh tra nội bộ trong cơ quan, đơn vị đó.
11. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Bộ trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

12. Báo cáo Bộ trưởng, Tổng Thanh tra về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

13. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Bộ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra

Điều 11. Thanh tra Sở

1. Thanh tra Sở là cơ quan của Sở Công nghiệp, có trách nhiệm giúp Giám đốc Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn thanh tra hành chính và thanh tra chuyên ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc Sở.

2. Thanh tra Sở có Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra và Thanh tra viên. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Chánh Thanh tra, Phó Chánh Thanh tra thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Giám đốc Sở quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và biên chế của Thanh tra Sở.

Điều 12. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thanh tra Sở

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp của Sở Công nghiệp.

2. Thanh tra việc chấp hành chính sách, pháp luật về công nghiệp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong phạm vi quản lý của Sở Công nghiệp.

3. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

5. Thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

6. Hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị thuộc Sở thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Sở chỉ đạo, hướng dẫn về tổ chức, hoạt động thanh tra nội bộ trong các cơ quan, đơn vị đó.

7. Yêu cầu cơ quan, đơn vị có liên quan cử cán bộ, công chức tham gia Đoàn thanh tra.

8. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ việc thi hành hoặc hủy bỏ những quy định trái pháp luật của Nhà nước được phát hiện qua hoạt động thanh tra.

9. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý của Thanh tra Sở.

10. Tổng hợp, báo cáo kết quả về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi quản lý của Sở Công nghiệp.

11. Tổng kết, rút kinh nghiệm về công tác thanh tra.

12. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chánh Thanh tra Sở

1. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra trong phạm vi quản lý của Sở Công nghiệp.

2. Xây dựng chương trình, kế hoạch thanh tra trình Giám đốc Sở quyết định và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch đó.

3. Trình Giám đốc Sở quyết định việc thanh tra khi phát hiện có dấu hiệu phạm pháp luật.

4. Kiến nghị Giám đốc Sở tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sai trái về thanh tra của tổ chức thuộc quyền quản lý của Sở.

5. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

6. Kiến nghị Giám đốc Sở xem xét trách nhiệm, xử lý người có hành vi vi phạm thuộc quyền quản lý của Sở.

7. Kiến nghị Giám đốc Sở giải quyết những vấn đề về công tác thanh tra. Trường hợp kiến nghị đó không được chấp nhận thì báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh hoặc Chánh Thanh tra Bộ nếu thấy cần thiết.

8. Lãnh đạo cơ quan Thanh tra Sở thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Thanh tra và các quy định khác của pháp luật.

9. Lãnh đạo, chỉ đạo công tác thanh tra, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động thanh tra của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Giám đốc Sở.

10. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra thuộc phạm vi trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở Công nghiệp.

11. Hướng dẫn, đôn đốc Thủ trưởng cơ quan, đơn vị thuộc quyền quản lý của Sở thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

12. Báo cáo Giám đốc Sở, Chánh Thanh tra tỉnh về công tác thanh tra trong phạm vi trách nhiệm của mình.

Chương III

THANH TRA VIÊN, CỘNG TÁC VIÊN

THANH TRA CÔNG NGHIỆP

Điều 14. Thanh tra viên Công nghiệp

1. Thanh tra viên Công nghiệp là công chức nhà nước thuộc Bộ Công nghiệp và Sở Công nghiệp, được bổ nhiệm vào ngạch thanh tra để thực hiện thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành về công nghiệp.

2. Thanh tra viên Công nghiệp có nhiệm vụ quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật về thanh tra và các quy định của pháp luật về công nghiệp;

b) Xử phạt hoặc kiến nghị người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn của Thanh tra viên Công nghiệp được thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Luật Thanh tra.

4. Việc tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cấp thẻ Thanh tra viên Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Cộng tác viên Thanh tra Công nghiệp

1. Cộng tác viên Thanh tra Công nghiệp là người không thuộc biên chế của cơ quan Thanh tra Công nghiệp, được trưng tập làm nhiệm vụ thanh tra theo yêu cầu của cơ quan thanh tra hoặc cấp có thẩm quyền.

Cộng tác viên Thanh tra Công nghiệp làm việc theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thanh tra hoặc Trưởng Đoàn thanh tra.

2. Cộng tác viên Thanh tra Công nghiệp là người có phẩm chất chính trị tốt; có ý thức trách nhiệm, trung thực, khách quan, công minh; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với nhiệm vụ được giao.

3. Các tổ chức Thanh tra Công nghiệp được sử dụng Cộng tác viên Thanh tra Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Chương IV **HOẠT ĐỘNG CỦA THANH TRA CÔNG NGHIỆP**

Điều 16. Hoạt động thanh tra hành chính

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của Bộ trưởng và Giám đốc Sở.

2. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật Khiếu nại, tố cáo.

3. Nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra hành chính thực hiện theo quy định từ Điều 34 đến Điều 44 của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

Điều 17. Hoạt động thanh tra chuyên ngành

1. Thanh tra việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ được giao đối với tổ chức, cá nhân hoạt động về công nghiệp, bao gồm các ngành sau:

a) Cơ khí, luyện kim;

b) Điện, năng lượng mới, năng lượng tái tạo;

c) Dầu khí, khai thác và chế biến khoáng sản;

d) Hóa chất;

đ) Vật liệu nổ công nghiệp;

e) Công nghiệp tiêu dùng, công nghiệp thực phẩm và công nghiệp chế biến khác trong phạm vi cả nước;

g) Các hoạt động khác về công nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp và thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo trong hoạt động về công nghiệp thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công nghiệp và thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở Công nghiệp.

3. Nội dung, hình thức, trình tự, thủ tục tiến hành thanh tra chuyên ngành thực hiện theo quy định từ Điều 45 đến Điều 52 của Luật Thanh tra và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra.

Chương V

TRANG PHỤC, PHÙ HIỆU, CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 18. Trang phục, phù hiệu

1. Thanh tra Công nghiệp có trang phục, phù hiệu riêng.

Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân khác sử dụng trang phục, phù hiệu tương tự, gây sự nhầm lẫn với Thanh tra Công nghiệp.

2. Bộ trưởng quy định trang phục, phù hiệu của Thanh tra Công nghiệp sau khi thống nhất với Tổng Thanh tra.

Điều 19. Cơ sở vật chất kỹ thuật

1. Các tổ chức Thanh tra Công nghiệp có trụ sở làm việc và được trang bị phương tiện, thiết bị phục vụ công tác thanh tra.

2. Bộ trưởng, Giám đốc Sở quy định phương tiện, thiết bị làm việc cho cơ quan Thanh tra Công nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kinh phí hoạt động

1. Kinh phí hoạt động của Thanh tra Công nghiệp do ngân sách nhà nước cấp và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc cấp phát, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

Chương VI

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 21. Khen thưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động Thanh tra Công nghiệp được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân lợi dụng chức vụ, quyền hạn của mình vi phạm các quy định của pháp luật thanh tra và Nghị định này hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, cản trở hoạt động Thanh tra Công nghiệp, mua chuộc, trả thù người làm nhiệm vụ thanh tra, trả thù người khiếu nại, tố cáo thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 24. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Công nghiệp có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.
2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng

